

Bản án số: 10/2019/HS-ST
Ngày 17/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Trung Phước

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vàng Văn Chải, ông Hảng Anh Dũng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Khắc Huân - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Tam Đường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Bà Tô Đỗ Yến L - Kiểm sát viên

Ngày 17/4/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, thụ lý số 08/2019/TLST-HS ngày 19/3/2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HS ngày 03/4/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên **TỔNG VĂN B** - Sinh năm 1995; Nguyên quán: T, Lai Châu; Nơi ĐKHKTT: Bản T, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Giáy; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Tổng Văn P (Đã chết) và bà Vàng Thị K, sinh năm 1969; Gia đình bị cáo có 02 chị, em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án: Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/01/2019 đến ngày đến ngày 17/4/2019, giao cho UBND xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu quản lý theo dõi (Có mặt).

2. Họ và tên: **TỔNG VĂN T** - Sinh năm 1993; Nguyên quán: T, Lai Châu; Nơi ĐKHKTT: Bản T, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Giáy; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Tổng Văn H (Đã chết) và bà Lù Thị T, sinh năm 1969; Gia đình bị cáo có 03 chị, em; bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án: Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/01/2019 đến ngày đến ngày 17/4/2019, giao cho UBND xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu quản lý theo dõi (Có mặt).

Bị hại: Ông Nguyễn Phú N, sinh năm 1950.

Trú tại: Bản Đ 4, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu (Có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Vàng Thị K, sinh năm 1969.

Trú tại: Bản T, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (Có mặt)

Người làm chứng 1: Nguyễn Phú H, sinh năm 1986

Nơi ĐKHKTT: Bản H, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Người làm chứng 2: Nguyễn Phú T, sinh năm 1986.

Trú tại: Bản T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.
(Cả hai người làm chứng đều vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 03 đến ngày 08 tháng 12 năm 2018, Tống Văn B đã trực tiếp và cùng Vàng Văn H, Tống Văn T 03 lần trộm cắp tài sản của gia đình ông Nguyễn Phú N, sinh năm: 1950, trú tại bản Đ 4, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu, như sau:

Lần 1: Vào khoảng 15 giờ, ngày 03/12/2018 Vàng Văn H, sinh năm 1999, trú tại bản T, xã B, huyện T điều khiển xe máy nhãn hiệu ESPERO, loại xe Cúp màu đỏ - trắng - đen, BKS: 25AA - 010.59 chở Tống Văn B cùng lên nhà ông Nguyễn Phú N trộm cắp 01 đầu máy nổ màu xanh - đỏ - đen đem bán cho Nguyễn Thị H, sinh năm 1975, trú tại bản M, thị trấn T, huyện T lấy 390.000 đồng, B chia cho H 150.000 đồng còn mình được 240.000 đồng. Số tiền trên cả hai đã đem đi tiêu sài cá nhân hết.

Lần 2: Vào khoảng 13 giờ ngày 06/12/2018, sau khi ăn cưới ở nhà chị gái Vàng Văn H, Tống Văn B và Tống Văn T, sinh năm 1993 là người ở cùng bản về nhà Bchoi, ngồi nói chuyện một lúc (do trước đó biết nhà ông N thường xuyên không ở nhà và không khóa cửa sau) nên B rủ T lên nhà ông N trộm cắp tủ lạnh, mục đích mang đi bán lấy tiền, T đồng ý. Sau đó, T quay lại đám cưới mượn xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu đỏ - đen - trắng (không rõ BKS) của một người nam giới khoảng 30 tuổi ở Lào Cai, là người đến dự đám cưới nhà H chở B đi đến nhà ông Nguyễn Phú N. Đến nơi T dựng xe ở cửa nhà, rồi cả hai đi theo lối cửa sau vào phòng khách tại đây B đã lấy bìa cát tông đựng cạnh tủ lạnh nhãn hiệu TOSHIBA loại GR-S19VPP, màu bạc, dung tích 171 lít trộm lên tủ và gọi T (lúc này T đang đi lại trong nhà ông N) vào cùng khiêng tủ lạnh. T, B cùng khiêng tủ lạnh ra ngoài đặt lên yên xe và dùng sợi dây chun có sẵn ở xe để chằng tủ lạnh. Sau đó T điều khiển xe, B ngồi phía trước và chở tủ lạnh xuống nhà anh Nguyễn Phú H, sinh năm 1986, trú tại bản H, xã B, huyện T bán với giá 2.000.000 đồng, nhưng do không có giấy bảo hành nên H trả cho B và T số tiền 1.500.000 đồng và hẹn khi nào mang giấy bảo hành xuống thì Hg trả nốt 500.000 đồng. B đồng ý nhận tiền rồi chia cho T 700.000 đồng còn mình được 800.000 đồng. Số tiền trên B, T đã tiêu sài cá nhân hết.

Lần 3: Đến khoảng 10 giờ, ngày 08/12/2018, Tống Văn B hỏi mượn xe máy nhãn hiệu ESPERO, loại xe Cúp màu đỏ - trắng - đen, BKS 25AA - 010.59 của Vàng Văn H mục đích để đi sửa quần áo và được H đồng ý. Mượn được xe B nảy sinh ý định tiếp tục vào nhà ông Nguyễn Phú N trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền tiêu sài. Đến nơi B thấy cửa trước nhà ông N khóa, B bèn đi vòng ra cửa sau thấy cửa không khóa liền mở cửa rồi vào phòng bếp đang tìm tài sản thì thấy anh Nguyễn Phú T, sinh năm 1986, trú tại bản T, thị trấn T, huyện T là con trai của ông N mở cửa vào nhà. Thấy B anh T hỏi “ông chuyển đồ đi hết à”, B trả lời “ông chuyển hết lên kia rồi”. Anh T tưởng bố mình nhờ người đến nhà lấy đồ nên không nghi ngờ và đi ra luôn. Sau khi anh T đi ra một lúc, B lấy 01 chiếc nồi bằng kim loại màu đen có nắp đáy bằng kim loại màu xám; 01 nồi bằng kim loại màu đen không có nắp đáy trị giá 200.000 đồng; 01 bình thuốc sâu bằng điện nhãn hiệu BMC - 18L màu trắng - vàng mang ra xe máy rồi điều khiển đi về hướng thị trấn T mục đích để tiêu thụ. Đi được một đoạn, B dừng xe xuống

mương nước ven đường rửa tay thì bị anh Nguyễn Phú T phát hiện và đưa lên Ủy ban nhân dân xã H, huyện T để làm việc.

Tại Cơ quan điều tra Tổng Văn B đã khai nhận hành vi phạm tội lần này và khai ra 02 lần trộm cắp (ngày 03 và 06/12/2018). Sau khi được triệu tập Tổng Văn T, Vàng Văn H đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình, phù hợp với lời khai của Tổng Văn B và các tài liệu chứng cứ khác.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 20/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: “Một (01) đầu máy nổ màu xanh - đỏ - đen, bị mất nhãn hiệu, cao 42 cm, dài 60 cm, rộng 37 cm. Đầu máy cũ đã qua sử dụng, có giá trị 750.000 đồng; Một (01) nồi kim loại màu đen có nắp đậy bằng kim loại màu xám, trên nắp nồi có chữ “BAO.ĐAM” và “150”. Nồi cao 23 cm, đường kính 45 cm, nồi cũ đã qua sử dụng, có giá trị 300.000 đồng; Một (01) nồi kim loại màu đen không nắp đậy. Nồi cao 18 cm, đường kính 26 cm, nồi cũ đã qua sử dụng, có giá trị 200.000 đồng; Một (01) bình phun thuốc sâu bằng điện nhãn hiệu BMC - 18L màu trắng - vàng. Bình phun cũ, đã qua sử dụng, có giá trị 600.000 đồng; Một (01) tủ lạnh nhãn hiệu TOSHIBA loại GR - S19VPP, màu bạc, dung tích 171 lít có giá trị 4.050.000 đồng”

Đối với hành vi trộm cắp tài sản của Tổng Văn B và Vàng Văn H vào ngày 03/12/2018 và hành vi trộm cắp ngày 08/12/2018 của Tổng Văn B, do giá trị tài sản dưới 2.000.000 đồng, Tổng Văn B và Vàng Văn H không có tiền án, tiền sự nên không đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS, ngày 14/01/2019 Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tách ra để xử lý hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Vàng Văn H; Ngày 26/02/2019 xử lý hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Tổng Văn B.

Ngoài số vật chứng trên, Cơ quan cảnh sát điều tra còn tạm giữ 01 chiếc xe máy nhãn hiệu DETECH, loại xe CUP màu đỏ - trắng - đen, BKS 25AA - 010.59, xe cũ đã qua sử dụng, 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 024010 cấp ngày 06/3/2017, chủ đăng ký xe mang tên Nông Thị H; 01 hóa đơn bán hàng ngày 08/02/2018 của cửa hàng điện tử điện lạnh T; 02 tờ hướng dẫn sử dụng tủ lạnh TOSHIBA loại GR - A21VPP kèm 01 tờ ghi điều khoản bảo hành tủ lạnh; 01 phiếu thanh toán số 101720 ngày 15/12/2018 của cửa hàng điện máy V.

Đối với (01) tủ lạnh nhãn hiệu TOSHIBA loại GR - S19VPP, màu bạc, dung tích 171 lít mà B và T đã bán cho anh Nguyễn Phú H, CQĐT đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng do anh H đã bán tủ lạnh cho một người nam giới không xác định được họ tên, địa chỉ nên không thu giữ được vật chứng trên.

Ngày 18/02/2019 Cơ quan CSĐT- Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Nông Thị H 01 chiếc xe máy nhãn hiệu DETECH, loại xe CUP màu đỏ - trắng - đen, BKS 25AA - 010.59, kèm theo 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 024010 mang tên Nông Thị H. Ngày 26/02/2019, trả lại cho bị hại ông Nguyễn Phú N 01 đầu máy nổ màu xanh - đỏ - đen, 01 nồi kim loại màu đen có nắp đậy bằng kim loại màu xám, 01 nồi kim loại màu đen không nắp đậy và 01 bình phun thuốc sâu bằng điện nhãn hiệu BMC - 18L màu trắng vàng.

Chị Nguyễn Thị H đã được gia đình bị cáo Tổng Văn B trả lại số tiền 390.000 đồng đã mua chiếc đầu máy nổ, chị H đã tự nguyện giao nộp 01 đầu máy nổ cho Cơ quan điều tra.

Cáo trạng số 08/CT-VKSTĐ ngày 18/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường truy tố các bị cáo Tổng Văn Bằng, Tổng Văn Tuyển phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Tổng Văn B, Tổng Văn T đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, những người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án về không gian, thời gian, địa điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Tổng Văn B, Tổng Văn T phạm vào tội Trộm cắp tài sản. Về hình phạt đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58/Bộ luật hình sự, đối với Tổng Văn B, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58/Bộ luật hình sự đối với Tổng Văn T, đề nghị tuyên phạt các bị cáo B, T mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị hại Nguyễn Phú N trình bày: Chiếc tủ lạnh bị mất các bị cáo cùng gia đình đã khắc phục bằng cách mua tủ lạnh mới bồi thường cho ông, các tài sản bị mất còn lại đã được cơ quan điều tra trả lại nên không có ý kiến gì thêm, 01 hóa đơn bán hàng của cửa hàng T đã giao nộp nay không còn giá trị sử dụng nên không yêu cầu được trả lại. Về hình phạt đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vàng Thị K trình bày: Sau khi Tổng Văn B (là con trai bà) và Tổng Văn T trộm cắp tài sản của bị hại Nguyễn Phú N, B, T có nhờ bà bỏ ra số tiền 4.800.000 đồng mua chiếc tủ lạnh để thay mất các bị cáo đền cho bị hại Nguyễn Phú N, nay bà không yêu cầu các bị cáo trả lại cho bà số tiền nói trên. 02 tờ hướng dẫn sử dụng tủ lạnh TOSHIBA loại GR - A21VPP kèm 01 tờ ghi điều khoản bảo hành tủ lạnh; 01 phiếu thanh toán số 101720 ngày 15/12/2018 của cửa hàng điện máy V bà đã giao nộp nay không còn giá trị sử dụng nên không đề nghị được trả lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và cấu thành tội phạm.

Khoảng 13 giờ ngày 06/12/2018, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại, Tổng Văn B và Tổng Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp của gia đình ông Nguyễn Phú N, sinh năm 1950, trú tại bản Đ4, xã H, huyện T 01 tủ lạnh nhãn hiệu TOSHIBA loại GR-S19VPP, màu bạc, dung tích 171 lít, trị giá 4.050.000 đồng đem bán cho anh Nguyễn Phú H, sinh năm 1986, ở bản H, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu lấy 1.500.000 đồng (B được 800.000 đồng, T được 700.000 đồng) sau đó mang đi tiêu xài cá nhân hết. Hành vi các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173/Bộ luật hình sự.

[3]. Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Hành vi các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Tài sản của công dân là khách thể được pháp luật bảo vệ, vì vậy mọi hành vi chiếm đoạt bất hợp pháp tài sản của người khác cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4]. Về nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Các bị cáo Tống Văn B và Tống Văn T đều được sinh ra trong những gia đình lao động, mặc dù có tuổi đời còn trẻ, song cả hai bị cáo đều không chịu khó tu dưỡng rèn luyện mà lại ăn chơi, đua đòi. Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không cần phải lao động, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo có điều kiện cải tạo, trở thành công dân có ích.

Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra đã tích cực tác động gia đình bồi thường thỏa đáng cho bị hại, bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đối với Tống Văn B đã tự khai ra 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản khác của ông Nguyễn Phú N, vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51/Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo, áp dụng thêm điểm r, khoản 1 Điều 51/Bộ luật hình sự (tự thú) đối với Tống Văn B để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo Tống Văn B và Tống Văn T đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy hành vi trộm cắp chiếc tủ lạnh của của ông Nguyễn Phú N các bị cáo Tống Văn T, Tống Văn B thực hiện là đồng phạm giản đơn, tính chất nguy hiểm cho xã hội trong hành vi các bị cáo đã thực hiện là tương đương nhau nên trách nhiệm hình sự các bị cáo phải chịu là ngang nhau.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt là chiếc tủ lạnh gia đình các bị cáo đã mua mới để bồi thường cho bị hại, nay bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về vật chứng: Đối với 01 hóa đơn bán hàng của Cửa hàng T do ông Nguyễn Phú N giao nộp; 02 tờ hướng dẫn sử dụng tủ lạnh TOSHIBA loại GR - A21VPP kèm 01 tờ ghi điều khoản bảo hành tủ lạnh; 01 phiếu thanh toán số 101720 ngày 15/12/2018 của cửa hàng điện máy V do bà Vàng Thị K giao nộp là các chứng cứ, tài liệu chứng minh cho thiệt hại về tài sản của ông N và chứng minh cho việc bà K thay mặt các bị cáo khắc phục bồi thường thiệt hại, xét thấy không còn giá trị sử dụng, tại phiên tòa ông N, bà K không yêu cầu trả lại, các vật chứng này có trong hồ sơ vụ án và đã được đánh dấu lục nên cần được lưu trong hồ sơ vụ án.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có khả năng chấp hành hình phạt bổ sung là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8]. Một số vấn đề liên quan: Đối với Nguyễn Phú H là người mua chiếc tủ lạnh; Nguyễn Thị H là người mua chiếc đầu máy nổ đều không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không phạm tội.

Đối với Nông Thị H là chủ sở hữu xe máy nhãn hiệu DETECH, BKS 25AA - 010.59 bị cáo Bằng đã dùng đi trộm cắp nhưng do chị H không biết nên không xem xét xử lý.

Bà Vàng Thị K là mẹ đẻ của bị cáo Tống Văn B đã dùng số tiền 4.800.000 đồng của mình mua chiếc tủ lạnh để đền bù thay cho các bị cáo B, T. Tại phiên tòa bà K không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền nói trên nên HĐXX không xem xét.

[9]. Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH 13 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 173, điểm b, i, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58/Bộ luật hình sự (áp dụng đối với Tống Văn B); Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58/Bộ luật hình sự (áp dụng đối với Tống Văn T); Khoản 2 Điều 135, Điều 331, Điều 333/Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Tống Văn T, Tống Văn B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt Tống Văn T, Tống Văn B mỗi bị cáo 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo vào cơ sở giam giữ để chấp hành hình phạt.

3. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn mười lăm ngày lên Tòa án cấp trên kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lai Châu.
- VKSND tỉnh Lai Châu.
- Sở tư pháp Lai Châu
- VKSND huyện T
- Chi cục THADS.
- Nhà TG.
- Người TGTT.
- Bị cáo.
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đoàn Trung Phước